

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thanh Hà;
2. Ông Đặng Quang Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị N; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Hữu T; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thái Thị N trình bày:*

Chị Thái Thị N và anh Cao Hữu T đăng ký kết hôn ngày 23/6/2015 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn chị N và anh T có một con chung cháu Cao Thái Quỳnh A, sinh ngày 09/5/2016, hiện nay cháu A đang sống với chị N. Đến tháng 09/2017 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh T còn quan tâm liên lạc với chị N và cháu A, nhưng sau đó anh T không còn liên lạc, quan tâm đến vợ con nữa và không gửi tiền về nuôi con. Đến nay,

chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Cao Thái Quỳnh A, sinh ngày 09/5/2016. Hiện tại cháu A đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị N yêu cầu giao cháu A cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Cao Hữu T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

Theo Biên bản xác minh ngày 23/12/2021 của Tòa án, bà Hoàng Thị L (mẹ của anh Cao Hữu T) có ý kiến trình bày: Anh T hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh T mà chỉ liên lạc thông qua điện thoại. Sau khi biết được thông tin chị N xin ly hôn với anh T thì gia đình đã thông báo cho anh T biết, nhưng anh T không đồng ý ly hôn. Theo như gia đình được biết thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T do chị N nghi ngờ anh T ở bên Đài Loan có mối quan hệ tình cảm với người khác, gia đình đã khuyên can nhưng chị N vẫn yêu cầu xin ly hôn.

Tại nhà của bà Hoàng Thị L (mẹ của anh Cao Hữu T), bà L đã gọi Zalo trực tiếp cho anh T nói chuyện với Tòa án. Anh T đồng ý việc bà L nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và yêu cầu bà L thông báo lại cho anh T. Anh T nhất trí với ý kiến của bà L trình bày. Còn bà Hoàng Thị L cam đoan nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh T và cam đoan thông báo nội dung của các văn bản tố tụng cho anh T biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị N được ly hôn anh Cao Hữu T.

+ Về con chung: Giao cháu Cao Thái Quỳnh A, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Thái Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Thái Thị N yêu cầu ly hôn với anh Cao Hữu T khi anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị N và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh T vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại, gia đình anh T nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo nội dung cho anh T nhưng anh T không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Thái Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị N, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị N và anh Cao Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 9/2017 thì anh T xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không còn liên lạc với chị N và con trong thời gian dài và anh T không còn quan tâm, chăm sóc vợ con. Còn chị N cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Đến thời điểm này tình cảm vợ chồng chị Nhung và anh T không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung cháu Cao Thái Quỳnh A, sinh ngày 09/5/2016, hiện tại cháu A do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha và mẹ, nhưng hiện nay anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chưa về

nên xét thấy cần giao cháu A cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị N được ly hôn anh Cao Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thái Quỳnh A, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Thái Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Cao Hữu T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thái Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000016 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Thái Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Cam Chính;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Cam Chính;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà